

## BÁO CÁO

### Tình hình triển khai nhiệm vụ học kỳ I và nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II, năm học 2017-2018

Thực hiện Chỉ thị số 2699/CT-BGDĐT ngày 08/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018 của ngành Giáo dục, Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ học kỳ I, năm học 2017-2018, cụ thể như sau:

#### **I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018**

##### **1. Thuận lợi**

Ngành Giáo dục tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND), sự phối hợp của các ban ngành, huyện, thị, các đoàn thể, tổ chức xã hội và sự đồng lòng hưởng ứng của các đơn vị và toàn thể nhân dân trong công tác thực hiện xây dựng, nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh.

Đồng thời, trong nhiều năm qua, ngành Giáo dục đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu phù hợp; đa số giáo viên trẻ, nhiệt tình, năng động, trình độ lí luận chính trị và chuyên môn cao. Đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cơ bản đã đạt chuẩn và trên chuẩn, không ngừng đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần xây dựng sự nghiệp giáo dục tỉnh Đắk Nông ngày một vững mạnh.

##### **2. Khó khăn**

Đắk Nông xuất phát là một tỉnh nghèo, có nhiều dân tộc cùng sinh sống, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, chất lượng giáo dục còn có mặt hạn chế.

Đội ngũ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên đa phần còn gặp nhiều khó khăn về đời sống vật chất.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018**

##### **1. Quy mô giáo dục và đào tạo năm học 2017-2018**

Hiện nay, toàn tỉnh Đắk Nông có 396 cơ sở giáo dục (tăng 14 cơ sở giáo dục so cùng kỳ năm học trước). Tổng số học sinh là 166.640 học sinh<sup>1</sup> (tăng 5.944 học sinh so cùng kỳ năm học trước). Cụ thể:

<sup>1</sup> Gồm cả học viên GDTX

- Giáo dục mầm non: có 121 trường, gồm 94 trường công lập, 27 trường ngoài công lập (tăng 08 trường so với cùng kỳ năm học trước). Tổng số trẻ là 38.037 trẻ (tăng 2.462 trẻ so với cùng kỳ năm học trước).

- Cấp tiểu học: có 148 trường, gồm 147 trường công lập, 01 trường ngoài công lập (tăng 04 trường so với cùng kỳ năm học trước). Tổng số học sinh là 68.451 học sinh (tăng 1.844 học sinh so với cùng kỳ năm học trước).

- Cấp THCS: có 84 trường. Tổng số học sinh là 41.024 học sinh (tăng 1.349 học sinh so với cùng kỳ năm học trước).

- Cấp THPT: có 32 trường, trong đó có 01 trường THPT Chuyên (tăng 02 với cùng kỳ năm học trước). Tổng số học sinh là 18.646 học sinh (tăng 289 học sinh so với cùng kỳ năm học trước).

- Giáo dục thường xuyên: có 01 Trung tâm GDTX tỉnh, 07 Trung tâm GDNN-GDTX huyện, với 482 học viên cấp THPT.

Ngoài ra, có 01 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, 01 Trung tâm Giáo dục học sinh dân tộc và 01 Trung tâm hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ học kỳ I, năm học 2017-2108**

Để năm học 2017-2018 diễn ra theo đúng Khung kế hoạch thời gian năm học của Bộ GDĐT, Sở GDĐT đã tham mưu, trình UBND tỉnh Đắk Nông ký, ban hành Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2017-2018 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2017-2018 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, Sở GDĐT đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn số 1418/HD-SGDĐT ngày 11/8/2017 về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2017-2018; Công văn số 1547/SGDĐT-VP ngày 16/8/2017 về hướng dẫn tổ chức Lễ khai giảng năm học 2017-2018 và các văn bản chỉ đạo về chuyên môn khác. Tổ chức cho cán bộ, giáo viên và nhân viên toàn ngành tham gia học tập chính trị, bồi dưỡng chuyên môn trong hè trước khi bước vào năm học mới. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả và sáng tạo việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn kết với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Phong trào thi đua năm học 2017-2018 với chủ đề “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”.

Đồng thời, tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 về Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT – UBND ngày 17/5/2017 về tăng cường công tác huy động học sinh đến trường và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 07/8/2017 về việc chấn chỉnh công tác thu, quản lý, sử dụng các

khoản đóng góp tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 về ban hành quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc sở giáo dục và đào tạo; trưởng phòng, phó trưởng phòng phòng giáo dục và đào tạo thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 về Kế hoạch xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 30/4/2017 về Kế hoạch xây dựng bể bơi trong các trường tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020 định hướng đến năm 2025; Quyết định số 734/KH-UBND ngày 29/12/2017 Kế hoạch triển khai đề án "Tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao theo trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển giáo dục khác.

Trên cơ sở bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và các giải pháp phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trong học kỳ 1, Sở GDĐT đã củng cố Bộ máy thanh tra, việc phối hợp giữa Sở GDĐT với chính quyền địa phương và Thanh tra Nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn; việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy trình, quy định của Pháp luật, không để tồn đọng đơn thư. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai chất lượng đạt được và điều kiện đảm bảo chất lượng GDĐT. Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức các kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, tuyển sinh đầu cấp, các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt chú trọng quản lý chất lượng công tác kiểm tra định kỳ, đánh giá quá trình dạy và học của các bậc học, cấp học. Đẩy mạnh việc đổi mới công tác tổ chức kỳ thi học sinh giỏi tỉnh, tổ chức tốt công tác đề thi đề nghị, huy động lực lượng giáo viên cốt cán trong việc biên soạn đề thi. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục. Đa dạng hóa các giải pháp thực hiện trong công tác bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi. Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm 2018, tỉnh Đắk Nông có 12 học sinh đạt giải, trong đó có 01 giải Nhì, 07 giải Ba, 04 giải Khuyến khích.

Sở GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội để xây dựng môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp trong và ngoài nhà trường, xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực; phối hợp với lực lượng công an, bộ đội và các tổ chức đoàn thể đảm bảo tốt an ninh, trật tự trường học; phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, sử dụng hiệu quả các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với từng bài học. Các trường học đã có đủ phòng học tin học và đã sử dụng các phần mềm tiện ích trong dạy học.

Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả; tăng cường công tác truyền thông trong thi đua khen thưởng, phát hiện các nhân tố mới, nhân tố điển hình để khen thưởng kịp thời. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, sáng kiến kinh nghiệm, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tự học và sáng tạo trong đội ngũ CBQL, giáo viên.

Tăng cường sự phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài tỉnh để làm tốt công tác tuyên truyền về các hoạt động giáo dục, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội đối với sự nghiệp GDĐT.

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, các cấp quản lý giáo dục đã kịp thời tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương ban hành nhiều nhiều chính sách nhằm cải thiện đời sống cho đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục.

Sở GDĐT thường xuyên quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ, Chương trình hành động của ngành giáo dục ban hành kèm theo Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ GDĐT, Chương trình số 32-CTr/TU ngày 19/11/2014 của Tỉnh ủy Đắk Nông và Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW đã có ảnh hưởng sâu rộng và động viên cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành nỗ lực, khắc phục khó khăn, đoàn kết, sáng tạo trong công việc, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch học kỳ I, năm học 2017-2018.

### **3. Công tác tổ chức hoạt động giáo dục**

#### **3.1. Giáo dục mầm non**

Sở GDĐT đã tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS, hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở các vùng khó khăn. Đến nay, 100% các trường mầm non có học sinh DTTS thực hiện tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ DTTS. Đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non tiếp tục phát huy công tác tự làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ.

Trong học kỳ I, có 1.076 nhóm lớp được tổ chức ăn bán trú cho 33.475 trẻ (đạt 88%); tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi: nhà trẻ là 4,6%; mẫu giáo là 7,5%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: nhà trẻ là 5,8%; mẫu giáo là 7,4%. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường là 2.351 đạt 10,8%; trẻ 3-5 tuổi là 35.686 đạt 84,7% (trong đó: trẻ 5 tuổi là 15.749 đạt 100%).

Đội ngũ giáo viên đạt tỷ lệ 1,5 giáo viên/nhóm, lớp. Công tác Phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi được duy trì và nâng cao chất lượng.

Đến nay, số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là 21 trường (*chiếm 18,2%*), trong đó có 01 trường đạt chuẩn mức độ 2.

#### **3.2. Giáo dục phổ thông**

##### **a) Giáo dục tiểu học:**

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chỉ đạo tổ chức, sinh hoạt chuyên môn lấy học sinh làm trung tâm để cùng nhau góp ý xây dựng trao đổi kinh nghiệm, tháo gỡ vướng mắc về chuyên môn. Hiện nay, 100% trường tiểu học sinh hoạt chuyên môn có chất lượng và xây dựng được các chuyên đề cho các môn học ở các khối lớp. Việc đánh giá xếp loại học sinh toàn cấp học được thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT (thay Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT). Hiện toàn ngành có 147/148 trường tiểu học tham gia dạy học tiếng Việt 1- CNGD thực hiện tốt phương pháp và

hình thức tổ chức dạy học; 10/148 trường thực hiện theo Mô hình trường học mới, các trường còn lại lựa chọn một số thành tố tích cực, phù hợp với điều kiện của nhà trường để triển khai thực hiện.

Thực hiện Chương trình Tiếng Anh 10 năm của đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, có 137/148 trường đã triển khai giảng dạy tiếng Anh, trong đó có 105 trường thực hiện chương trình tiếng Anh 10 năm; 32 trường triển khai song song 2 chương trình tiếng Anh 10 năm và tiếng Anh tự chọn.

Đồng thời, tích cực huy động công tác xã hội hoá kết hợp sự hỗ trợ của dự án, tăng cường công tác dạy học 2 buổi/ngày kết hợp tổ chức cho học sinh ăn, nghỉ trưa tại trường. Đối với các khối lớp ở các trường thuộc vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã áp dụng thực hiện chương trình của Bộ GDĐT ban hành về việc dạy học các môn học ở vùng miền, giúp cho học sinh tiếp thu tốt những kiến thức cơ bản nhất của các môn học, thu hẹp khoảng cách về trình độ của học sinh giữa các vùng miền.

Công tác PCGDTH về huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt trên 99,67%, tỉ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 93,05%. Đến nay, có 47 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 32 %), trong đó có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2.

\* Kết quả đánh giá chất lượng học sinh tiểu học xem Phụ lục 1.

#### b) Giáo dục trung học:

Sở đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học tiếp tục thực hiện hiệu quả cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Phong cách Hồ Chí Minh*”, triển khai các hoạt động thi đua “*Mỗi thầy cô giáo là tám gương đạo đức tự học và sáng tạo*”; “*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”; thực hiện “*hai không*” trong nhà trường. Đưa một số phong trào thi đua trở thành các hoạt động thường xuyên gắn việc rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống với việc nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đồng thời, chỉ đạo các trường THPT trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhà trường và phù hợp với sự phát triển năng lực học sinh, triển khai giảng dạy tài liệu giáo dục địa phương các môn Văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD. Triển khai việc lồng ghép, tích hợp trong giảng dạy để phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển, đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường trong tất cả các trường trung học. Việc tổ chức dạy học tiếng Anh thực hiện theo Đề án Ngoại ngữ 1400.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Sở GDĐT chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện kế hoạch “*Mỗi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục thực hiện một đổi mới trong phương pháp dạy học và quản lý*”. Đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung trao đổi, phân tích bài dạy trên lớp, triển khai giảng dạy tích hợp các bộ môn, mỗi trường có một kế hoạch cụ thể về đổi mới phương pháp dạy học; tăng cường trao đổi chuyên môn trên các diễn đàn của Bộ GDĐT. Tiếp tục triển khai xây dựng và nhân rộng mô hình nhà trường đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá tích cực và hiệu

quả các cấp THCS và THPT. Chú trọng đề xuất các giải pháp mới như hoạt động bàn giao chất lượng nhằm tăng cường trách nhiệm của người dạy và người học, góp ý cho giáo viên về đổi mới PPDH nhìn từ phía học sinh và các bậc cha mẹ học sinh, xây dựng mô hình thi đua cấp trung học phổ thông theo các bộ tiêu chí về định lượng nhằm hướng đến chất lượng chuẩn của trường trung học nhất là đối với giáo dục các vùng khó và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hoạt động xây dựng "*nguồn học liệu mở*" (thư viện) câu hỏi, bài tập, giáo án, tài liệu tham khảo, tư liệu dạy học trên website của Sở GDĐT, Phòng GDĐT và các trường THCS, THPT đã được quyết liệt chỉ đạo. Tích cực xây dựng nguồn học liệu mở, một bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, tăng cường hoạt động giáo án điện tử, quản lý điểm bằng phần mềm, thời khóa biểu, liên lạc điện tử, động viên các đơn vị xây dựng trang liên lạc điện tử trên mạng.

Sở GDĐT đã định hướng tập trung đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh, nội dung này thường xuyên được chú trọng triển khai và giám sát thực hiện. Tăng cường giáo dục nghiệp vụ về đổi mới phương pháp dạy học ở tất cả các hình thức như tập huấn, thi giáo viên dạy giỏi, khảo sát giáo viên FCE, bài giảng điện tử Elearning, trao đổi sinh hoạt chuyên môn diễn đàn trên mạng.

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã được chỉ đạo thực hiện trong chương trình giáo dục một cách mềm dẻo, kết hợp với các loại hình giáo dục tư vấn nghề nghiệp để chuyển tải thông tin về hướng nghiệp đến các em học sinh, đặc biệt là các em học sinh khối 12 và khối cuối cấp nhằm tạo điều kiện cho các em chọn đúng ngành nghề phù hợp với hoàn cảnh gia đình, ý thích, năng lực của bản thân.

Chỉ đạo và quản lý chặt chẽ việc dạy thêm học thêm, học 2 buổi/ngày hoặc trên 6 buổi/tuần. Đến thời điểm này hoạt động quản lý việc dạy thêm học thêm và dạy học 2 buổi/ ngày đã đi vào nề nếp. Trong đó, các đơn vị đã tập trung vào các nội dung như: phụ đạo học sinh yếu, kém; bồi dưỡng học sinh giỏi; giãn thời gian với các nội dung dài, khó dưới sự hướng dẫn của giáo viên; tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Công tác PCGDTHCS nhìn chung là ổn định và tiếp tục duy trì 100% các xã, phường, thị trấn. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: THCS có 30 trường đạt chuẩn (đạt 35,71%); THPT có 10 trường đạt chuẩn (đạt 31,25%).

\* Kết quả đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT xem Phụ lục 2.

### 3.3. Tình hình học sinh bỏ học học kỳ 1 năm học 2017-2018:

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT – UBND ngày 17/5/2017 về tăng cường công tác huy động học sinh đến trường và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong học kỳ 1, Sở GDĐT tăng cường chỉ đạo hoạt động kêu gọi động viên học sinh nghỉ học quay trở lại trường học tập và rà soát việc triển khai kế hoạch bàn giao chất lượng trong các trường trung học. Số học sinh bỏ học trong học kỳ 1, năm học 2017-2018 là 267 học sinh (chiếm 0,21%), cụ thể như sau:

- + Cấp Tiểu học: số học sinh bỏ học là 23 học sinh, chiếm tỉ lệ 0,034% .
- + Cấp THCS: số học sinh bỏ học là 200 học sinh, chiếm tỷ lệ 0,49%.

+ Cấp THPT: số học sinh bỏ học là 44 học sinh, chiếm tỷ lệ 0,2%.

### 3.3. Giáo dục thường xuyên

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về nội dung, mục đích và ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; huy động toàn dân tham gia phong trào xây dựng xã hội học tập. Tiếp tục tổ chức thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU, ngày 26/04/2012 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn. Phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch 2011, Quyết định số 1397, kiểm tra tình hình xây dựng xã hội học tập và hoạt động của TTHTCĐ trên phạm vi toàn tỉnh

Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sử dụng có hiệu quả các thiết bị hiện có, xây dựng và đưa các TTHTCĐ đi vào hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo điều kiện học tập của nhân dân tại địa phương. Hiện có 71/71 xã thành lập TTHTCĐ, 57/71 TTHTCĐ được cấp kinh phí hoạt động theo Quyết định số 890/QĐ-UBND, 6/71 TTHTCĐ được bố trí giáo viên phổ thông làm việc tại trung tâm theo Thông tư số 40/TT-BGDĐT. Trong học kỳ 1, đã tổ chức được 07 lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ cho 216 học viên. Năm 2017, các huyện, thị xã đạt chuẩn về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Toàn tỉnh hiện có 23 Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trong đó có 22 trung tâm ngoài công lập. Học kỳ I, đã tổ chức ôn tập, thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học trình độ A, B, Tiếng M'Nông cho 1.248 học viên.

Số phòng học GDTX cấp THPT là 88 phòng<sup>2</sup>, thư viện 02 phòng, thí nghiệm 01 phòng và 09 phòng máy vi tính. Số TTHTCĐ có trụ sở làm việc riêng là 11/71 trung tâm (đạt 15,5%), số TTHTCĐ mượn phòng làm việc là 60 trung tâm (chiếm 84,5%).

\* Kết quả đánh giá, xếp loại học viên xem Phụ lục 3.

### 4. Công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Trên cơ sở phát triển trường lớp, Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ rà soát nhu cầu biên chế của các huyện/thị xã; sau khi rà soát, tham mưu UBND tỉnh quyết định hợp đồng 385 giáo viên mầm non cho các huyện/thị xã nhằm đáp ứng nhu cầu tổ chức dạy học.

Phối hợp với trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh mở lớp bồi dưỡng CBQL cho đội ngũ CBQL và giáo viên năm 2017. Cụ thể: 79 CBQL và giáo viên Mầm non và Tiểu học, 47 CBQL và giáo viên THCS và THPT. Nhìn chung, công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý được chú trọng và đạt nhiều kết quả.

<sup>2</sup> Trong đó: kiên cố 77 phòng; chiếm 87,5%, phòng bán kiên cố 04 phòng; chiếm 4,54%, phòng học mượn 07 phòng; chiếm 7,96%.

Các chế độ chính sách của nhà nước đối với nhà giáo và CBQL (tiền lương, phụ cấp thâm niên nhà giáo, ốm đau, thai sản, nghỉ phép, nghỉ hưu, làm thêm giờ); công tác chuyển chuyển nội – ngoại tỉnh, bổ nhiệm phụ trách kế toán) được thực hiện kịp thời, đảm bảo công bằng, đúng quy định.

### **5. Công tác đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ năm học**

Tổng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ năm học 2017-2018 ước tính khoảng 95,942 tỷ đồng. Cụ thể:

#### *a) Số phòng học xây dựng mới:*

- Tổng số phòng xây dựng mới cho năm học 2017-2018 là 68 phòng với tổng kinh phí (TMĐT) trên 76,642 tỷ đồng (bổ trí vốn năm 2017 26,5 tỷ đồng). Chia theo địa bàn:

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số phòng xây mới</b>
1	Huyện Cư Jút	10
2	Huyện Đắk Mil	12
3	Huyện Krông Nô	12
4	Huyện Đắk Glong	30
5	Huyện Tuy Đức	04
<b>Tổng số</b>		<b>68</b>

#### *d) Kinh phí mua sắm sách giáo khoa, vở viết và thiết bị dạy học:*

Năm học 2017-2018 toàn ngành Giáo dục đã thực hiện mua sắm các gói thầu mua sách vở học sinh dân tộc, mua sắm thiết bị mầm non, mua sắm thiết bị tin học và bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu với số kinh phí là 19,3 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Trang bị sách giáo khoa, vở viết cho học sinh dân tộc, học sinh thuộc vùng 135, học sinh thuộc các diện chính sách trên địa bàn tỉnh với tổng mức kinh phí 14,5 tỷ đồng, với tổng số khoảng 32.000 học sinh.

- Trang bị thiết bị mầm non với số kinh phí 0,3 tỷ đồng từ ngân sách.

- Trang bị thiết bị dạy học ngoại ngữ theo kế hoạch số 142/KH-UBND tỉnh ngày 25/4/2012 là 3,6 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh cho 16 trường.

- Trang thiết bị dạy học giáo dục quốc phòng với kinh phí 0,9 tỷ đồng.

Nhìn chung, công tác đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm, trang bị cho các trường học đã được các địa phương quan tâm, cơ bản đáp ứng nhu cầu học dạy học cho năm học 2017-2018

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Học kỳ 1, năm học 2017-2018, ngành Giáo dục có nhiều sáng tạo trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn kết nội dung cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và



phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” với nhiều hình thức, phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả. Có thể nói, các cuộc vận động và phong trào thi đua ngày càng đi vào chiều sâu, có hiệu quả rõ rệt và được cụ thể hóa với những công việc, phần việc cụ thể, thiết thực.

Công tác đổi mới quản lý giáo dục theo hướng tăng cường phân cấp và giao quyền tự chủ có chuyển biến tích cực, năng lực quản lý của đội ngũ CBQL đã thích ứng trong điều kiện có nhiều thay đổi; thực hiện 3 công khai đã bước đầu nhận được sự đồng thuận của các cơ sở giáo dục và xã hội.

Ngành Giáo dục đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện như: chương trình giáo dục mầm non mới; chương trình giáo dục phổ thông tiếp tục đánh giá sâu và điều chỉnh ở một số môn học; tích cực đổi mới phương pháp, thực hiện tích hợp ở giáo dục mầm non và một số nội dung trong giảng dạy phổ thông; thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; chú trọng phụ đạo cho học sinh yếu kém.

Nhìn chung, chất lượng giáo dục tiếp tục chuyển biến ở các cấp học; quy mô phát triển ổn định, cơ sở vật chất trường, lớp học cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy và học theo hướng kiên cố hoá. Việc triển khai thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT đã có những chuyển biến tích cực.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Cơ sở vật chất trang thiết bị vừa thiếu, vừa không đồng bộ; thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn và các phương tiện dạy học còn nghèo nàn, chưa đảm bảo về số lượng, chủng loại và chất lượng so với yêu cầu đổi mới và mở rộng mô hình dạy 2 buổi/ngày. Đặc biệt, cơ sở vật chất tại các địa bàn khó khăn đang xuống cấp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Công tác vệ sinh ở nhiều trường học chưa đảm bảo, thiếu nước sạch.

Công tác duy trì kết quả PCGD, bổ túc văn hóa tại các địa phương còn gặp khó khăn, hoạt động tại các Trung tâm học tập cộng đồng còn hạn chế. Việc thực hiện Kế hoạch 2011 của UBND tỉnh về Đề án xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 ở các địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Một bộ phận nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới. Đội ngũ giáo viên vừa thừa, vừa thiếu cục bộ, vừa không đồng bộ về cơ cấu chuyên môn.

Việc bố trí giáo viên về công tác tại các TTHTCĐ còn nhiều vướng mắc. Việc tuyển dụng, bố trí giáo viên dạy môn tiếng Anh, Tin học bậc Tiểu học còn thiếu và chưa đáp ứng nhu cầu hội nhập.

## **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II**

### **1. Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý giáo dục và đào tạo**

Toàn ngành tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 44/NQ-CP, Kế hoạch hành động của ngành Giáo

dục, Chương trình số 32-CTr/TU ngày 19/11/2014 của Tỉnh ủy Đắk Nông và Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2015 của UBND tỉnh gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới và chương trình giảm nghèo bền vững.

Triển khai thực hiện Thông báo số 1013/TB-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Thông báo Kết luận của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ tại Hội nghị Giám đốc Sở GDĐT về tiếp tục triển khai việc xây dựng và chuẩn bị các điều kiện để áp dụng chương trình, sách giáo dục phổ thông mới.

Tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện nghiêm túc quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; tăng cường quản lý việc dạy thêm học thêm, quản lý thu - chi tài chính tại các cơ sở giáo dục; xử lý nghiêm các vi phạm về dạy thêm học thêm, thu - chi tài chính.

Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục, chú trọng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra giáo dục; tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tự kiểm tra của các cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Thực hiện đổi mới công tác thông tin tuyên truyền; tổng hợp thông tin từ các kênh khác nhau để giải quyết kịp thời các vấn đề của ngành.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi đối với học sinh diện chính sách xã hội, học sinh vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và tăng cường kết nối giữa các địa phương và Bộ GDĐT, sự phối hợp với các cơ quan báo, đài để nâng cao nhận thức và sự chung tay, góp sức của nhân dân vào sự nghiệp giáo dục.

## **2. Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục và đào tạo**

### **2.1. Giáo dục mầm non**

Tăng cường công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; duy trì và nâng cao chất lượng PCGDMN cho trẻ 5 tuổi. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; nâng cao hiệu quả hoạt động của Đề án tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và Chuyên đề xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2017-2018; Tập huấn Chuyên đề “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số”.

### **2.2. Giáo dục phổ thông**

#### **a) Giáo dục tiểu học:**

Duy trì bền vững kết quả PCGD Tiểu học, phấn đấu đạt chuẩn mức độ 2 trong năm 2018; tăng cường công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục đổi mới

phương pháp dạy học. Thành lập các tổ giáo viên cốt cán, các tổ tư vấn bộ môn để giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình đổi mới giáo dục.

Khảo sát, đánh giá hiệu quả việc triển khai mô hình trường học mới. Tập huấn nâng cao năng lực cho CBQL, giáo viên về việc đánh giá thường xuyên theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT.

#### b) Giáo dục trung học:

Duy trì và nâng cao chất lượng PCGDTHCS; tăng cường công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua. Thực hiện đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ phương pháp dạy học và đánh giá học sinh. Đẩy mạnh công tác kiểm tra các hoạt động giáo dục của các trường THCS, THPT để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ, đồng thời tổ chức bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ sư phạm tiếng Anh trong giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng môi trường học tập trực tuyến.

### 2.3. Giáo dục thường xuyên

Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập và phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân về mục đích, ý nghĩa của học tập suốt đời, xây dựng XHHT. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 11-CT/TW, Chỉ thị 02/2008/CT-TTg về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng XHHT; Kế hoạch Xây dựng xã hội học tập và xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, Kế hoạch Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2021.

Tiếp tục củng cố các cơ sở GDTX, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở GDTX. Tăng cường các hoạt động giáo dục ngoại khóa, giáo dục pháp luật...

### **3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành Giáo dục tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, 100% giáo viên các cấp học có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn; vững vàng về chính trị và chuyên môn, xem đây là giải pháp then chốt bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới giáo dục; đồng thời, tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Kiểm tra, đánh giá giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đặc biệt là đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Tiếp tục lộ trình thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW; Chỉ thị số 02/CT-TTg về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giản biên chế.

### **4. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính**

Ngành Giáo dục tiếp tục tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tiếp tục

triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tự của đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ sở giáo dục nhằm trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội.

Tăng cường cơ sở vật chất nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và các điều kiện dạy học khác. Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2017 – 2020. Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất thực hiện chương trình nông thôn mới.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ học kỳ I và phương hướng, nhiệm vụ học kỳ II, năm học 2017-2018. /: thu

**Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT (b/cáo);
- Văn phòng TU, HĐND, UBND tỉnh (b/cáo);
- Ban Tuyên giáo TU;
- Sở KHĐT, Cục Thống kê;
- Các Phòng GDĐT; các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng, ban thuộc cơ quan Sở GDĐT;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu Văn phòng.

**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Toàn*

## GIÁO DỤC TIỂU HỌC HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018

## 1.1. Kết quả môn Toán, Tiếng Việt

TT	Huyện/thị	TSHS	Toán						Tiếng Việt					
			Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Krông Nô	8.158	2.633	32	4.802	58	723	10	2.137	26	5.397	66	624	8
2	Cư Jút	8.946	3.106	34	5.213	58	627	8	2.394	27	5.923	66	629	7
3	Đắk Mil	11.138	4.287	38,5	6.125	55	726	6,5	3.464	31,1	7.008	62,9	666	5,97
4	Đắk Song	9.052	2.633	29	5.845	64	574	7	2.031	22	6.528	72	493	6
5	Gia Nghĩa	6.624	2.984	45,05	3.350	50,58	290	4,37	2.653	40,05	3.742	56,49	229	3,46
6	Đắk Glong	8.734	3.254	37,26	5.034	57,64	446	5,1	3.097	35,46	4.954	56,72	683	7,82
7	Đắk Rlấp	8.847	3.637	41,1	4.922	55,6	288	3,3	2.621	29,6	5.871	66,3	355	4,1
8	Tuy Đức	6.952	1.827	26,3	4.520	65	605	8,7	1.358	19,5	4.862	70	732	10,5
	<b>TỔNG</b>	<b>68.451</b>	<b>24.361</b>	<b>35,6</b>	<b>39.811</b>	<b>58,16</b>	<b>4.279</b>	<b>6,24</b>	<b>19.755</b>	<b>28,86</b>	<b>44.285</b>	<b>64,69</b>	<b>4.411</b>	<b>6,45</b>

## 1.2. Kết quả về năng lực

TT	Huyện/thị	TSHS	Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Krông Nô	8.158	3.027	37	4.774	58	357	0,04	3.084	0,38	4.685	0,57	389	0,05	2.864	0,35	4656	0,57	638	0,08
2	Cư Jút	8.946	3.339	37	5.150	57	457	0,05	3.359	0,38	5.134	0,57	453	0,05	3.212	0,36	5202	0,58	532	0,06
3	Đắk Mil	11.138	4.982	44,7	5.644	50,7	512	4,6	4.851	43,5	5.769	51,8	518	4,7	4.527	40,6	5983	53,7	628	5,6
4	Đắk Song	9.052	3.272	36	5.503	60	277	0,03	3.352	0,37	5.433	0,6	267	0,03	2.950	0,33	5671	0,63	431	0,05
5	Gia Nghĩa	6.624	3.108	46,9	3.303	49,86	213	3,22	2.998	45,3	3.393	51,2	233	3,52	2.798	42,2	3507	52,9	319	4,82
6	Đắk Glong	8.734	3.356	38,4	5.199	59,53	179	2,05	3.342	38,3	5.216	59,7	176	2,02	3.187	36,5	5370	61,5	177	2,02
7	Đắk Rlấp	8.847	4.432	50,0	4.327	48,9	88	1,1	4.335	48,9	4.400	49,7	112	1,4	4.149	46,8	4512	51	186	2,2
8	Tuy Đức	6.952	2.108	30,3	4.349	62,5	495	7,2	2.059	29,6	4.374	0,63	519	7,4	1.899	27,3	4532	65,2	521	7,5
	<b>TỔNG</b>	<b>68.451</b>	<b>27.624</b>	<b>40,4</b>	<b>38.249</b>	<b>55,88</b>	<b>2.578</b>	<b>3,72</b>	<b>27.380</b>	<b>40</b>	<b>38.404</b>	<b>56,1</b>	<b>2.667</b>	<b>3,9</b>	<b>25.586</b>	<b>37,4</b>	<b>39.433</b>	<b>57,6</b>	<b>3.432</b>	<b>5</b>

**1.3. Kết quả về phẩm chất**

TT	Huyện/thị	TS HS	Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Krông Nô	8.158	3.376	0,414	4.539	0,556	243	0,0298	3.427	0,42	4.566	0,559	165	0,02
2	Cư Jút	8.946	3.680	0,411	5.067	0,566	199	0,0222	3.705	0,414	5.088	0,569	153	0,017
3	Đắk Mil	11.138	5.188	46,6	5.640	50,6	310	2,8	5.395	48,4	5.527	49,6	216	1,9
4	Đắk Song	9.052	3.288	0,363	5.477	0,605	287	0,0317	3.237	0,358	5.591	0,618	224	0,025
5	Gia Nghĩa	6.624	3.450	52,08	3.052	46,07	122	1,85	3.376	50,97	3.164	47,77	84	1,26
6	Đắk Glong	8.734	3.376	38,65	5.232	59,9	126	1,4426	3.245	37,15	5.245	60,05	244	2,79
7	Đắk R'lấp	8.847	4.536	51,2	4.198	47,4	113	1,4	4.457	50,3	4.323	48,8	67	0,9
8	Tuy Đức	6.952	2127	30,5%	4.436	63,8%	389	5,7%	2.282	32,8%	4.370	62,9%	300	4,3%
<b>TỔNG</b>		<b>68.451</b>	<b>29.021</b>	<b>42.39</b>	<b>37.641</b>	<b>54.99</b>	<b>1.789</b>	<b>2.62</b>	<b>29.124</b>	<b>42.55</b>	<b>37.874</b>	<b>55.33</b>	<b>1.453</b>	<b>2.12</b>

TT	Huyện/thị	TS HS	Trung thực, kỉ luật						Đoàn kết, yêu thương					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
1	Krông Nô	8.158	3.779	46,32	4.274	52,38	105	1,3	4.069	49,88	4.029	49,37	60	0,75
2	Cư Jút	8.946	3.984	0,445	4.846	0,542	116	0,013	4.308	0,482	4.549	0,508	89	0,01
3	Đắk Mil	11.138	6.127	55	4.891	43,9	120	1,1	6.643	59,6	4.393	39,4	102	0,9
4	Đắk Song	9.052	3.703	0,409	5.188	0,573	161	0,0178	4.162	0,46	4.809	0,531	81	0,009
5	Gia Nghĩa	6.624	3.920	59,18	2.649	39,99	55	0,83	4.152	62,68	2.436	36,78	36	0,54
6	Đắk Glong	8.734	3.267	37,41	5.312	60,82	155	1,79	3.353	38,39	5.381	61,61	0	0
7	Đắk R'lấp	8.847	4.826	54,5	3.975	44,9	46	0,6	5.188	58,6	3.634	41,0	25	0,4
8	Tuy Đức	6.952	2.487	35,8	4.220	60,7	245	3,5	2.620	37,7	4.117	59,2	215	3,1
<b>TỔNG</b>		<b>68.451</b>	<b>32.093</b>	<b>46.88</b>	<b>35.355</b>	<b>51.65</b>	<b>1.003</b>	<b>1.47</b>	<b>34.495</b>	<b>50.39</b>	<b>33.348</b>	<b>48.72</b>	<b>608</b>	<b>0.89</b>

## GIÁO DỤC TRUNG HỌC HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018

### 2.1. Cấp THCS

Khối	Tổng số HS	Hành kiểm						Học lực											
		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		Giỏi		Khá		Trung Bình		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	11.693	9.137	78,14	2.346	20,06	195	1,67	15	0,13	809	6,92	3.603	30,81	5.365	45,88	1.837	15,71	79	0,68
7	10.800	8.586	79,50	2.053	19,01	155	1,44	6	0,06	889	8,23	3.606	33,39	5.010	46,39	1.266	11,72	29	0,27
8	9.664	7.636	79,01	1.818	18,81	200	2,07	10	0,10	756	7,82	3.203	33,14	4.645	48,06	1.013	10,48	47	0,49
9	8.867	7.356	82,96	1.378	15,54	130	1,47	3	0,03	785	8,85	3.116	35,14	4.224	47,64	737	8,31	5	0,06
<b>Tổng</b>	<b>41.024</b>	<b>32.715</b>	<b>79,75</b>	<b>7.595</b>	<b>18,51</b>	<b>680</b>	<b>1,66</b>	<b>34</b>	<b>0,08</b>	<b>3.239</b>	<b>7,90</b>	<b>13.528</b>	<b>32,98</b>	<b>19.244</b>	<b>46,91</b>	<b>4.853</b>	<b>11,83</b>	<b>160</b>	<b>0,39</b>

### 2.2. Cấp THPT

Khối	Tổng số HS	Hành kiểm						Học lực											
		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		Giỏi		Khá		Trung Bình		Yếu		Kém	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	6.720	4.455	66,29	1.857	27,63	343	5,10	65	0,97	412	6,13	1.913	28,47	2.833	42,16	1.433	21,32	129	1,92
11	6.168	4.625	74,98	1.312	21,27	195	3,16	36	0,58	527	8,54	2.211	35,85	2.571	41,68	823	13,34	36	0,58
12	5.758	4.922	85,48	745	12,94	80	1,39	11	0,19	478	8,30	2.750	47,76	2.319	40,27	209	3,63	2	0,03
<b>Tổng</b>	<b>18.646</b>	<b>14.002</b>	<b>75,09</b>	<b>3.914</b>	<b>20,99</b>	<b>618</b>	<b>3,31</b>	<b>112</b>	<b>0,60</b>	<b>1.417</b>	<b>7,60</b>	<b>6.874</b>	<b>36,87</b>	<b>7.723</b>	<b>41,42</b>	<b>2.465</b>	<b>13,22</b>	<b>167</b>	<b>0,90</b>

Phụ lục 3

### GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017-2018

Khối	Tổng số HS được đánh giá <sup>1</sup>	Hành kiểm						Học lực												
		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		Giỏi		Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
10	134	81	60,4	49	36,6	4	3,0	0	0	177	0	0	22	12,4	137	77,4	18	10,2	0	0
11	200	123	61,5	71	35,5	6	3,0	0	0	235	1	0,4	24	10,2	183	77,9	27	11,5	0	0
12	148	114	77,0	33	22,3	1	0,7	0	0	202	3	1,5	82	40,5	117	58,0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>482</b>	<b>318</b>	<b>66,0</b>	<b>153</b>	<b>31,7</b>	<b>11</b>	<b>2,3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>614</b>	<b>4</b>	<b>0,7</b>	<b>128</b>	<b>20,9</b>	<b>437</b>	<b>71,1</b>	<b>45</b>	<b>7,3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá đối với học viên dưới 18 tuổi.

